

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-ST

Ngày: 22-5-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Thạch;

Bà Lý Thị Mỹ Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2017/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T;

Địa chỉ: Số 60, Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Bùi Duy T, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T).

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp TH, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ký ngày 01/10/2017)

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976;

2. Chị Phạm Thị D, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 452, tổ 7, ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ông C, chị D có mặt; anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D có ký kết hợp đồng tín dụng số 1890/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T (sau đây viết tắt là Quỹ tín dụng). Nội dung hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay gốc 650.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Mua bán tạp hóa và chăm sóc cây cao su non.
- Lãi suất cho vay: 13,2%/năm (tức 1,10%/tháng), cố định trong hiệu lực hợp đồng tín dụng.
- + Lãi suất nợ quá hạn: 19,8%/năm (tức 1,650%/tháng).
- Thời hạn vay: 13 tháng, kể từ ngày Hợp đồng tín dụng có hiệu lực.
- Thời hạn trả nợ: Ngày 23-01-2016.
- Phương thức trả nợ: Thanh toán nợ gốc và lãi suất vào ngày đến hạn trong hợp đồng.
- Hình thức bảo đảm nợ vay: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D có thể chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 046864, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH46864 diện tích 1.512,0 m², tờ bản đồ số 22, thửa đất số 93 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 24-10-2012 cho anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D đứng tên đăng ký sở hữu và sử dụng, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1890/HĐTC, ngày 22-12-2014. Việc thế chấp được công chứng chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Đến hạn trả nợ ngày 23-01-2016 vợ chồng anh B, chị D không trả được nợ gốc nên Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T cho gia hạn đến ngày 23-01-2017 nhưng đến nay anh B, chị D vẫn không thanh toán được số tiền nợ gốc và chỉ thanh toán được tiền lãi suất 34.738.400 đồng, do đó anh B, chị D còn nợ Quỹ tín dụng số tiền cụ thể: Tiền vay gốc 650.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn và quá hạn là 247.329.100 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 181.610.000 đồng + tiền lãi quá hạn 100.457.500 đồng – 34.738.400 đồng đã trả). Tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất tính đến nay (ngày 26-02-2018) là 897.329.100 đồng.

Do anh B, chị D vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi suất, Quỹ tín dụng đã nhiều lần làm việc và thỏa thuận với anh B, chị D về việc xử lý số tiền vay nhưng không thành. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc và tiền lãi tổng cộng là 897.329.100 đồng, ngoài ra anh B, chị D còn phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 22-12-2014 cho đến khi trả xong tiền nợ gốc. Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 1890/HĐTC, ngày 22-12-2014 giữa Quỹ tín dụng với anh B, chị D yêu cầu Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi anh B, chị D trả tất nợ cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng có trách nhiệm trả lại cho anh B, chị D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 046864, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH46864 diện tích 1.512,0 m², tờ bản đồ số 22, thửa đất số 93 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 24-10-2012 cho anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D đứng tên đăng ký sở hữu và sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Vào ngày 22-12-2014 vợ, chồng anh có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T để vay số tiền 650.000.000 đồng, nội dung và hình thức của hợp đồng tín dụng như người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng trình bày. Từ khi ký hợp đồng tín dụng đến nay vợ chồng anh chỉ thanh toán cho Quỹ tín dụng được 34.738.400 đồng tiền lãi suất, ngoài ra không thanh toán thêm số tiền nào khác.

Để đảm bảo cho số tiền vay trên anh và chị Phạm Thị D có thể chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 046864, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH46864 diện tích 1.512,0 m², tờ bản đồ số 22, thửa đất số 93 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 24-10-2012 cho anh và chị D đứng tên đăng ký sở hữu và sử dụng, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1890/HĐTC ngày 22-12-2014. Việc thế chấp được công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Nay anh đồng ý trả cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn 247.329.100 đồng, tổng cộng 897.329.100 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi trả tất nợ vay, nhưng xin trả dần mỗi năm 100.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Phạm Thị D trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn B là vợ chồng, chị thống nhất với lời trình bày của anh B, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng thị trấn T yêu cầu anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị D phải thanh toán số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi suất 319.901.600 đồng (trong đó tiền lãi suất trong hạn 181.610.000 đồng + tiền lãi suất quá hạn 173.030.000 đồng – 34.738.400 đồng); tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi suất là 969.901.600 đồng, ngoài ra anh B, chị D còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 22-12-2014 cho đến khi trả xong tiền nợ gốc. Chị D đồng ý trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; đối với số tiền lãi suất xin Hội đồng xét xử xem xét miễn, giảm cho vợ chồng chị không phải trả.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã

tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T với anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị D thống nhất có ký hợp đồng tín dụng số 1890/HĐTD, ngày 22-12-2014 và hợp đồng thế chấp số 1890/HĐTC, ngày 22-12-2014 là đúng trình tự theo quy định pháp luật. Do anh B, chị D vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng nên Quỹ tín dụng yêu cầu anh, chị phải trả số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng, tiền lãi suất 319.901.600 đồng, tổng cộng 969.901.600 đồng, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh B, chị D đồng ý trả số tiền nợ gốc trên cho Quỹ tín dụng nhưng xin được trả dần mỗi năm 100.000.000 đồng; đối với số tiền lãi suất xin xem xét miễn, giảm cho vợ chồng chị không phải trả. Yêu cầu của chị D không được Quỹ tín dụng đồng ý, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy B Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T, buộc anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng, tiền lãi suất 319.901.600 đồng; tổng cộng 969.901.600 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T tự nguyện chịu 500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo Hợp đồng tín dụng số 1890/HĐTD, ký ngày 22-12-2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T với anh Nguyễn Văn B, chị Phạm thị D thì thời hạn trả nợ đến ngày 23-01-2016, đến hạn do chị D, anh B không trả được nợ nên gia hạn đến ngày 23-01-2017 nhưng anh B, chị D vẫn không thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng nên ngày 01-10-2017 Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T nộp khởi kiện anh B, chị D tại tòa án. Căn cứ Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005, thì vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án: Bị đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận: Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T với anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị

D có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1890/HĐTD, ngày 22-12-2014, theo đó anh B, chị D vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng; trong hợp đồng có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả khi vi phạm hợp đồng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào các Điều 401, Điều 402 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T với anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị D là có thật và hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng về hợp đồng tín dụng đã ký kết với anh B, chị D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì thời hạn trả nợ là ngày 23-01-2016, tuy nhiên do anh B, chị D không có tiền thanh toán tiền nợ gốc nên gia hạn đến ngày 23-01-2017 nhưng anh B, chị D chỉ thanh toán được số tiền lãi suất 34.738.400 đồng và không tiếp tục thanh toán nợ gốc 650.000.000 đồng cùng tiền lãi suất còn lại từ khi vay đến nay cho Quỹ tín dụng, do đó có đủ cơ sở khẳng định từ khi ký hợp đồng tín dụng cho đến nay anh B, chị D đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, mặc dù giữa Quỹ tín dụng với chị D, anh B có thỏa thuận về cách xử lý nợ nhưng không được. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu anh B, chị D thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi suất, tổng cộng 969.901.600 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 22-12-2014 là có căn cứ, phù hợp với Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Quyết định số 33/2008/QĐ-NHNN, ngày 03-12-2008 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về mức lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đối với khách hàng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh B, chị D đồng ý trả số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhưng xin trả dần mỗi năm 100.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi suất nhưng không được Quỹ tín dụng đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 1890/HĐTC, ngày 22-12-2014 giữa Quỹ tín dụng với anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D thì thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay 650.000.000 đồng. Anh B, chị D đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 046864, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH46864 diện tích 1.512,0 m², tờ bản đồ số 22, thửa đất số 93. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04-4-2018 thể hiện Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 1.512,0 m², tờ bản đồ số 22, thửa đất số 93 (thửa mới theo bản đồ đo đạc địa chính chính quy năm 2013 là thửa số 07, tờ bản đồ số 40, có diện tích 1.575,8 m² tăng so với diện tích khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không ai tranh chấp); trên diện tích đất có căn nhà cấp IV được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu và các tài sản khác trên đất (cổng rào, hàng rào, cây cao su). Khi thế chấp tài sản giữa Quỹ tín dụng với anh B, chị D có lập văn bản thế chấp được công chứng và đăng ký đúng theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP, do đó hợp đồng thế chấp tài sản số 1890/HĐTC, ngày 22-12-2014 giữa Quỹ tín dụng

nhân dân thị trấn T với anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị D là hợp pháp và vẫn có hiệu lực pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T đối với anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị D về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc anh Nguyễn Văn B, chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền vay gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi suất 319.901.600 đồng, tổng cộng 969.901.600 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T tự nguyện chịu 500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp xong theo biên bản giao nhận ngày 02-4-2018 nên ghi nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 122, Điều 355, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy B Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T đối với anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng, tiền lãi suất 319.901.600 đồng; tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi phải trả là 969.901.600 (chín trăm, sáu mươi chín triệu, chín trăm lẻ một nghìn, sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22-5-2018), anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T cho vay thì lãi suất mà khách hàng (anh B, chị D) vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T cho vay.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 1890/HĐTC, ngày 22-12-2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T với anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh B, chị D không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T được bán tài sản đảm bảo để trả nợ gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 046864, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận

CH46864 diện tích 1.512,0 m², tờ bản đồ số 22, thửa đất số 93 (thửa mới theo bản đồ đo đạc địa chính chính quy năm 2013 là thửa số 07, tờ bản đồ số 40).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị D phải chịu 41.097.000 (bốn mươi một triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T 19.299.000 (mười chín triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0024733 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T phải chịu 500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận đã nộp xong theo biên bản giao nhận ngày 02-4-2018.

3. Về quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T, chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc